

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 22/4/2024

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thắng; Bà Ngô Thị Thời.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 770/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST - HNGĐ ngày 29/3/2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 02/4/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Khánh H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, Đội 6, T, Kim B, Hà Nam. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Lương Thanh D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A B, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

***Người làm chứng:**

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1967. Điều trú tại: Thôn T, Đ T, Kim B, Hà Nam.

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu M, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Lương Thanh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến năm 2020 mới ra UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống với nhau chị và anh D ở số nhà A B, phường H, thành phố H được khoảng hơn 01 năm, sau đó anh D vi phạm pháp luật và đi chấp hành hình phạt tù tại Thanh Hóa chị chuyển về quê Hà Nam sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Đến năm 2019 anh D chấp hành xong hình phạt tù về anh D về số nhà A B, phường H, TP H sinh sống và có liên lạc với chị nên chị có bảo anh D về sống cùng chị. Vợ chồng thuê nhà ở thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên sinh sống nhưng không đăng ký tạm trú. Khi sinh sống ở Hưng Yên anh D không có công ăn việc làm ổn định, đi làm nhiều chỗ nhưng không cố định. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh D không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình, nhiều lần anh D về đe dọa chị yêu cầu chị đưa tiền, chị không đưa thì anh D chửi bới, đánh đập, lấy xe của chị đi bán và đưa con gái đi khỏi nhà dọa nạt chị yêu cầu chị phải gửi tiền cho anh D. Chị đã nhiều lần khuyên bảo, tha thứ cho anh D nhưng anh D không thay đổi tính nết. Từ tháng 7 năm 2023 đến nay chị và anh D sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh D đi làm nay chỗ này mai chỗ khác, không nói cho chị biết đi đâu làm gì, có lần anh D nói với chị về thành phố H sinh sống. Chị xác định anh D hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại 1 B, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. thỉnh thoảng anh D vẫn liên lạc với chị để hỏi thăm con. Chị cũng nhiều lần gượng hỏi anh D hiện nay ở đâu nhưng anh D không nói. Khi làm đơn xin ly hôn chị cũng thông báo cho anh D nhưng anh D nói với chị muốn ly hôn thì tự làm thủ tục ly hôn chứ anh D không đồng ý ly hôn và không về Tòa án để giải quyết. Nhà ở của anh D vẫn ở số A B, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh D để chị ổn định cuộc sống.

- **Về quan hệ con chung:** Chị và anh D có 01 con chung là Lương Ngọc Mỹ L, sinh ngày 12/3/2020. Do hiện nay cháu L còn nhỏ nên chị xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị hiện đang đi làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ đủ khả năng nuôi con.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm.

Người làm chứng bà Phan Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn P (bố mẹ đẻ chị H) trình bày:

Ông bà là mẹ đẻ chị H và là bố mẹ vợ của anh D. Chị H và anh D kết hôn với nhau vào năm 2020. Quá trình chung sống do anh D không tu chí làm ăn, đi làm ở đâu anh D cũng chỉ làm được thời gian ngắn lại bỏ việc, phải về xin tiền chị H để tiêu xài cá nhân. Ông bà đã khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Từ năm 2021 đến nay anh D không sống cùng chị H. Mẹ con chị H về sống

với ông bà, anh D thỉnh thoảng có gọi điện về cho chị H nhưng không nói cho chị H biết hiện nay anh D ở đâu, không quan tâm gì đến mẹ con chị H. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh D ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn để chị ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống chị H và anh D có 01 con chung là Lương Ngọc Mỹ L. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H nuôi con, gia đình ông bà sẽ hỗ trợ trông nom con cho chị H khi chị H đi làm. Chị H và anh D không có tài sản chung, nợ chung.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà là thím của anh D, chồng bà là chú ruột anh D. Chị H và anh D trước đây chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2020 mới đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu khi chung sống với nhau vợ chồng ở khu B, phường H, TP H. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Gia đình và họ hàng cũng khuyên bảo vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh D hiện nay đang đi làm, lúc thì nói đi làm ở Quảng Ninh, lúc thì ở Hà Nội. Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở đâu. Tòa án giao cho bà các giấy tờ nhờ bà thông báo cho anh D bà nhận thay và đã thông báo cho anh D thời gian Tòa án báo gọi anh D về làm việc nhưng anh D nói với bà bận công việc không về được. Việc chị H làm đơn xin ly hôn anh D, bà Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh với ông Đoàn Văn D1 (trưởng khu) và bà Phạm Thị H1 (chi hội trưởng phụ nữ) khu dân cư số E, phường H trình bày:

Anh Lương Văn D2 là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu E, B, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn thời gian đầu chị H, anh D2 về sinh sống tại khu dân cư S, B, phường H, thành phố H. Quá trình chung sống do anh D2 không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình, cuộc sống vợ chồng khó khăn nên vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị H về nhà bố mẹ để ở, còn anh D2 đi làm thỉnh thoảng mới về nhà. Anh D2 đi làm ở đâu thì khu không nắm được, nhà ông D1 ở gần nhà anh D2 nên biết được chỉ thỉnh thoảng anh D2 mới về nhà nhưng lại đi ngay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh D2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D2; Chị H xin nhận nuôi con Lương Ngọc Mỹ L và tự nguyện không yêu cầu anh D2 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh D2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị Khánh H ly hôn anh Lương Thanh D. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Khánh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lương Ngọc Mỹ L, sinh ngày 12/3/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Anh Lương Thanh D đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A B, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai của chị H, người làm chứng và tiến hành xác minh với trưởng khu, Công an phường H đều xác định anh D hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên. Anh D đi làm nay đây mai đó chỉ thỉnh thoảng mới về nhà. Theo công văn trả lời số 1777/QLXNC – P3 ngày 23/01/2024 của Cục Q1 - Bộ C thì chưa có thông tin xuất nhập cảnh của anh Lương Thanh D. Như vậy đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án anh D không đi nước ngoài. Tại đơn ly hôn chị H đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh D, khi anh D đi làm ăn không nói cho chị H, gia đình, chính quyền địa phương biết là đi đâu làm gì. Như vậy xác định anh D cố tình dấu địa chỉ gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn. Do vậy, xác định địa chỉ của anh D là nơi đăng hộ khẩu thường trú số A B, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

- **Về sự vắng mặt của các đương sự:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lương Thanh D trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án

đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và thông qua người thân nhưng anh D vẫn không về tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Khánh H và anh Lương Thanh D kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H trình bày là do anh D không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình, nhiều lần anh D về đe dọa chị yêu cầu chị đưa tiền, chị không đưa thì anh D chửi bới, đánh đập, lấy xe của chị đi bán và đưa con gái đi khỏi nhà dọa nạt chị yêu cầu chị phải gửi tiền cho anh D. Chị đã nhiều lần khuyên bảo, tha thứ cho anh D nhưng anh D không thay đổi. Từ tháng 7 năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân vợ chồng mỗi người đều có công việc riêng, không quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh D đến Tòa để trình bày quan điểm về việc ly hôn, chị H cũng đã thông báo và bảo anh D về Tòa án trình bày quan điểm nhưng anh D không có mặt, điều này chứng tỏ anh D không mong muốn đoàn tụ, không có biện pháp cải thiện tình trạng vợ chồng, có tình gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử chị Nguyễn Thị Khánh H ly hôn anh Lương Thanh D là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] **Về quan hệ con chung:** Chị H và anh D có 01 con chung là Lương Ngọc Mỹ L, sinh ngày 12/3/2020. Ly hôn chị H xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy: Cháu Lương Ngọc Mỹ L hiện còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Anh D thường xuyên đi làm nay đây, mai đó nên không có thời gian và điều kiện chăm sóc cho con. Chị H hiện đi làm có mức thu nhập ổn định, có thời gian và điều kiện chăm sóc cho con. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Lương Ngọc Mỹ L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu

cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này anh D có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án hôn nhân gia đình khác.

[5] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Khánh H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị Khánh H ly hôn với anh Lương Thanh D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Khánh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lương Ngọc Mỹ L, sinh ngày 12/3/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0002731 ngày 15/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

